ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG LÊ CHÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1647/QĐ-UBND	*Phường Lê Chân, ngày 27 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung (Lần 4) Kế hoạch đầu tư công phường năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LÊ CHÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ các Nghị quyết số 382/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường về Kế hoạch đầu tư công phường năm 2026; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20/01/2026 của Hội đồng nhân dân phường về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công phường (lần 1) năm 2026; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 25/02/2026 của Hội đồng nhân dân phường Lê Chân về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công phường (lần2) năm 2026; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/04/2026 của Hội đồng nhân dân phường Lê Chân về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công phường (lần3) năm 2026; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24/06/2026 của Hội đồng nhân dân phường Lê Chân về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công phường (lần 4) năm 2026;

Căn cứ các Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công phường năm 2026; Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của Ủy ban nhân dân phường về việc điều chỉnh, bổ sung (Lần 1) Kế hoạch đầu tư công phường năm 2026; Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của Ủy ban nhân dân phường về việc điều chỉnh, bổ sung (Lần 2) Kế hoạch đầu tư công phường năm 2026; Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của Ủy ban nhân dân phường về việc điều chỉnh, bổ sung (Lần 3) Kế hoạch đầu tư công phường năm 2026; Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường Lê Chân phê duyệt điều chỉnh phương án xử lý nguồn tăng thu so với dự toán chi còn lại của ngân sách phường năm 2025;

Xét đề nghị của Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh, bổ sung (lần 4) Kế hoạch đầu tư công phường năm 2026:

- Điều chỉnh, bổ sung vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2026 cho các dự án, công trình từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã và tiền đất được điều tiết về ngân sách cấp xã; nguồn tăng thu so với dự toán chi còn lại của ngân sách phường năm 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao phòng Kinh tế hoàn tất thủ tục báo cáo Sở Tài chính. Đôn đốc Chủ đầu tư các dự án, công trình hoàn chỉnh hồ sơ, làm thủ tục thanh toán theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân phường, Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Kinh tế, Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường, Trưởng phòng Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng Giao dịch số 1, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- CT, các phó CT UBND phường;
- Phòng Xây dựng và Môi trường phường;
- Phòng Kinh tế phường;
- Ban QLDA ĐTXD phường;
- KBNN khu vực III – PGD số 1;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG LÊ CHÂN T.P HẢI PHÒNG

Phạm Văn Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG LÊ CHÂN

Mẫu số 01.b/PB

PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG ĐIỀU CHỈNH NĂM 2026 (LẦN 4)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 27/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường Lê Chân)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến xã)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (Lần 3)			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**								**184.972.531**	**184.972.531**			**48.857.377**			**8.227.438**	**1.627.438**	**55.457.377**			
I	**Nguồn vốn đầu tư công từ NSTP**								**171.579.588**	**171.579.588**			**48.457.377**			**1.627.438**	**1.627.438**	**48.457.377**			
I.1	**Nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTP cho ngân sách cấp xã**								**165.010.531**	**165.010.531**			**48.457.377**			**1.627.438**	**1.627.438**	**48.457.377**			
I.1.1	**Giai đoạn chuẩn bị đầu tư**								**6.569.057**	**6.569.057**			**5.317.000**			**37.700**	**801.504**	**4.553.196**			
a	**Giáo dục - đào tạo và dạy nghề**								**4.418.553**	**4.418.553**			**3.564.000**			**0.000**	**345.599**	**3.218.401**			
a.1	**Khối mầm non**								**381.677**	**381.677**			**300.000**			**0.000**	**89.738**	**210.262**			
1	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường Mầm non Đông Tâm	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179362	071	2026-2027	Số 44/QĐ-VP ngày 18/12/2025	190.120	190.120			150.000				45.049	104.951			
2	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường Mầm non Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179348	071	2026-2027	Số 52/QĐ-VP ngày 18/12/2025	191.557	191.557			150.000				44.689	105.311			
a.2	**Khối Tiểu học**								**383.405**	**383.405**			**300.000**				**88.546**	**211.454**			
1	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường tiểu học Trần Hưng Đạo	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179347	072	2026-2027	Số 51/QĐ-VP ngày 18/12/2025	193.057	193.057			150.000				43.610	106.390			
2	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường tiểu học Lê Văn Tám	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179349	072	2026-2027	Số 55/QĐ-VP ngày 18/12/2025	190.348	190.348			150.000				44.936	105.064			
a.3	**Khối Trung học cơ sở**								**3.653.471**	**3.653.471**			**2.964.000**				**167.315**	**2.796.685**			
1	Xây dựng mới dãy nhà 5 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179346	073	2026-2027	Số 38/QĐ-VP ngày 17/12/2025	1.561.208	1.561.208			1.240.000				64.200	1.175.800			
2	Phá dãy nhà 2 tầng phía trước. Xây mới dãy nhà 5 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179345	073	2026-2027	Số 17/QĐ-QLDA ngày 17/02/2026	1.435.637	1.435.637			1.200.000					1.200.000			
3	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường THCS Hoàng Diệu	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179361	073	2026-2027	Số 54/QĐ-VP ngày 18/12/2025	188.806	188.806			150.000				54.115	95.885			
4	Đầu tư xây dựng Trạm biến áp tại trường THCS Hoàng Diệu, THCS Trương Công Định, Tiểu học Nguyễn Công Trứ và Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tố	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179328	073	2026-2027	Số 56/QĐ-VP ngày 18/12/2025	467.820	467.820			374.000				49.000	325.000			
b	**Các hoạt động kinh tế**								**2.150.504**	**2.150.504**			**1.753.000**			**37.700**	**455.905**	**1.334.795**			
1	Cải tạo, nâng cấp các ngõ 147 Đình Đông, ngõ 71 Chợ Hàng, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179310	312	2026-2027	Số 04/QĐ-VP ngày 16/01/2026	228.704	228.704			182.000				61.000	121.000			
2	Cải tạo, nâng cấp các ngõ 24 Dân Lập, ngõ 2 Nguyễn Văn Linh, ngõ 389 Chợ Hàng, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179338	312	2026-2027	Số 05/QĐ-VP ngày 16/01/2026	485.263	485.263			388.000				148.000	240.000			
3	Cải tạo, nâng cấp các ngõ 306 Miếu Hai Xã, nghách 24/418 Miếu Hai Xã, ngõ 27 Hồ Sen, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179339	312	2026-2027	Số 06/QĐ-VP ngày 16/01/2026	197.407	197.407			157.000				36.800	120.200			
4	Cải tạo, nâng cấp các ngõ 45 Dư Hàng, ngõ 49 Hai Bà Trưng, ngõ 33 Nguyễn Đức Cảnh, ngõ 27 Hồ Sen, ngõ 99 đường tàu Mê Linh, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179340	312	2026-2027	Số 07/QĐ-VP ngày 16/01/2026	194.615	194.615			155.000				37.000	118.000			
5	Cải tạo, nâng cấp các ngõ 48 Kênh Dương, đường Nguyễn Bỉnh, ngõ 800A Thiên Lôi, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179341	312	2026-2027	Số 08/QĐ-VP ngày 16/01/2026	373.576	373.576			298.000				116.000	182.000			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến xã)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (Lần 3)			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
6	Cai tạo, nâng cấp ngõ 440 Chợ Hàng, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179508	312	2026-2027	Số 09/QĐ-VP ngày 16/01/2026	217.199	217.199			173.000				57.105	115.895			
7	Đầu tư xây dựng mở rộng ngõ 170 Hai Bà Trưng và các hạng mục phụ trợ	Phường Lê Chân	0065	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8188225	312	2026-2027	Số 280/QĐ-QLDA ngày 10/4/2026	453.740	453.740			400.000			37.700		437.700			
I.1.2	**Giai đoạn thực hiện dự án**								**165,010.531**	**165,010.531**			**43,140.377**			**1,589.738**	**825.934**	**43,904.181**			
a	**Giáo dục - đào tạo và dạy nghề**								**39,910.204**	**39,910.204**			**27,574.377**			**89.738**	**737.740**	**26,926.375**			
a.1	**Khối mầm non**								**4,536.574**	**4,536.574**			**2,880.000**			**89.738**		**2,969.738**			
1	Cai tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường Mầm non Đồng Tâm	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179362	071	2026-2027	Số 525/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	2,258.025	2,258.025			1,440.000			45.049		1,485.049			
2	Cai tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường Mầm non Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179348	071	2026-2027	Số 527/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	2,278.549	2,278.549			1,440.000			44.689		1,484.689			
a.2	**Khối Tiểu học**								**4,561.326**	**4,561.326**			**2,880.000**					**2,880.000**			
1	Cai tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường tiểu học Trần Hưng Đạo	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179347	072	2026-2027	Số 526/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	2,300.067	2,300.067			1,440.000					1,440.000			
2	Cai tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường tiểu học Lê Văn Tám	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179349	072	2026-2027	Số 529/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	2,261.259	2,261.259			1,440.000					1,440.000			
a.3	**Khối Trung học cơ sở**								**30,812.304**	**30,812.304**			**21,814.377**				**737.740**	**21,076.637**			
1	Cai tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường THCS Hoàng Diệu	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179361	073	2026-2027	Số 528/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	2,239.304	2,239.304			1,440.000					1,440.000			
2	Xây dựng mới dãy nhà 5 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179346	073	2026-2027	Số: 943/QĐ-UBND ngày 20/4/2026	19,627.000	19,627.000			14,374.377				737.740	13,636.637			
3	Đầu tư xây dựng Trạm biến áp tại trường THCS Hoàng Diệu, THCS Trương Công Đỉnh, Tiểu học Nguyễn Công Trứ và Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tố	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179328	073	2026-2027	Số: 944/QĐ-UBND ngày 20/4/2026	8,946.000	8,946.000			6,000.000					6,000.000			
b	**Các hoạt động kinh tế**								**125,100.327**	**125,100.327**			**15,566.000**			**1,500.000**	**88.194**	**16,977.806**			
1	Cai tạo, nâng cấp các ngõ 147 Đình Đông, ngõ 71 Chợ Hàng, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179310	312	2026-2027	Số 530/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	3,000.000	3,000.000			2,000.000					2,000.000			
2	Cai tạo, nâng cấp các ngõ 24 Dân Lập, ngõ 2 Nguyễn Văn Linh, ngõ 389 Chợ Hàng, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179338	312	2026-2027	Số 531/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	7,740.000	7,740.000			5,092.000					5,092.000			
3	Cai tạo, nâng cấp các ngõ 306 Miếu Hai Xã, nghách 24/418 Miếu Hai Xã, ngõ 27 Hồ Sen, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179339	312	2026-2027	Số 532/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	2,164.000	2,164.000			1,423.000					1,423.000			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến xã)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (Lần 3)			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
4	Cai tạo, nâng cấp các ngõ 45 Dư Hàng, ngõ 49 Hai Bà Trưng, ngõ 33 Nguyễn Đức Cảnh, ngõ 27 Hồ Sen, ngõ 99 đường tàu Mê Linh, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179340	312	2026-2027	Số 533/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	1.810.471	1.810.471			1.383.000				88.194	1.294.806			
5	Cai tạo, nâng cấp các ngõ 48 Kênh Dương, đường Nguyễn Bỉnh, ngõ 800A Thiên Lôi, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179341	312	2026-2027	Số 534/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	5.497.000	5.497.000			3.616.000					3.616.000			
6	Cai tạo, nâng cấp ngõ 440 Chợ Hàng, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179508	312	2026-2027	Số 535/QĐ-UBND ngày 23/02/2026	3.119.000	3.119.000			2.052.000					2.052.000			
7	Đầu tư xây dựng mở rộng ngõ 170 Hai Bà Trưng và các hạng mục phụ trợ	Phường Lê Chân	0065	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8188225	312	2026-2027	Số: 1240/QĐ-UBND ngày 28/5/2026	101.769.856	101.769.856			0			1.500.000	0	1.500.000			
I.2	**Nguồn tiền đất được điều tiết về NS cấp xã**								**19.627.000**	**19.627.000**			**400.000**					**400.000**			
I.2.1	**Giai đoạn thực hiện dự án**								**19.627.000**	**19.627.000**			**400.000**					**400.000**			
a	**Giáo dục - đào tạo và dạy nghề**								**19.627.000**	**19.627.000**			**400.000**					**400.000**			
a.1	**Khối Trung học cơ sở**								**19.627.000**	**19.627.000**			**400.000**					**400.000**			
1	Xây dựng mới dãy nhà 5 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179346	073	2026-2027	Số: 943/QĐ-UBND ngày 20/4/2026	19.627.000	19.627.000			400.000					400.000			
I.3	**Nguồn tăng thu so với dự toán chi còn lại của ngân sách phường năm 2025**								**19.962.000**	**19.962.000**						**6.600.000**		**6.600.000**			
I.3.1	**Giai đoạn thực hiện dự án**								**19.962.000**	**19.962.000**						**6.600.000**		**6.600.000**			
a	**Giáo dục - đào tạo và dạy nghề**								**19.962.000**	**19.962.000**						**6.600.000**		**6.600.000**			
a.3	**Khối Trung học cơ sở**								**19.962.000**	**19.962.000**						**6.600.000**		**6.600.000**			
1	Phá dãy nhà 2 tầng phía trước. Xây mới dãy nhà 5 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Trương Công Đỉnh	Phường Lê Chân	0064	Ban quản lý dự án ĐTXD phường	8179345	073	2026-2027	Số: 1522/QĐ-UBND ngày 23/6/2026	19.962.000	19.962.000						6.600.000		6.600.000			